

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRÌNH QUỐC HÙNG

BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ
TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
MÃ SỐ: 9310201

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Chủ tịch Hội đồng

PGS. TS. Trịnh Thị Xuyên

Người hướng dẫn khoa học

PGS, TS Hoàng Phúc Lâm

Phản biện 1: PGS. TS. Nguyễn Văn Chiếu
*Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội*

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Minh Phương
Học viện Hành chính và Quản trị công

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Thăng Lợi
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng Chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**
Vào hồi 14 giờ 00 ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tây Nguyên là một không gian địa - chính trị đặc biệt, được ví như “nóc nhà của Đông Dương”, giữ vị trí chiến lược trọng yếu về chính trị, kinh tế, QP - AN và đối ngoại của Việt Nam. Với đặc điểm tiếp giáp Lào và Campuchia, là địa bàn trung chuyển, kết nối khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, Tây Nguyên từ lâu được xác định là “phên giậu phía Tây của Tổ quốc”, có ý nghĩa then chốt trong kiểm soát không gian an ninh biên giới, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ vững ổn định CT - XH và bảo đảm ANQG. Trong cấu trúc tổng thể của ANQG, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên không chỉ là yêu cầu bảo vệ sự ổn định trên địa bàn, mà còn có tác động trực tiếp đối với việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định của đất nước từ sớm, từ xa.

Trong bối cảnh mới, dưới tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các yếu tố an ninh truyền thống và ANPTT đan xen, tác động ngày càng mạnh mẽ đến các địa bàn chiến lược của cả nước. Đối với tây nguyên, điều này làm gia tăng tính chất phức tạp, nhạy cảm của ANCT. Tây Nguyên ổn định không chỉ là điều kiện tiên quyết để phát triển KT - XH bền vững, mà còn là nền tảng để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngược lại, bất kỳ biến động nào về ANCT trên địa bàn này đều có thể tác động đến ổn định CT - XH và môi trường ANQG.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, công tác bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. HTCT cơ sở từng bước được củng cố. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao, công tác dân vận, tuyên truyền có nhiều chuyển biến tích cực. Vai trò của MTTQ và các tổ chức CT - XH được phát huy. Đời sống của nhân dân, nhất là đồng bào DTTS, từng bước được cải thiện. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được củng cố. Đây là những yếu tố nền tảng góp phần giữ vững ổn định CT - XH, bảo đảm ANCT trên địa bàn.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình ANCT trên địa bàn Tây Nguyên vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Các TLTD, phản động tiếp tục lợi dụng những hạn chế về phát triển KT - XH, nhận thức chính trị, pháp luật của một bộ phận đồng bào DTTS, cùng với đặc điểm dân tộc, tôn giáo đan xen để tuyên truyền, lôi kéo, kích động gây rối. Thực tiễn đã cho thấy nguy cơ này qua các vụ việc điển hình như bạo loạn năm 2001, 2004 và đặc biệt là vụ việc tại Đắk Lắk ngày 11/6/2023. Bên cạnh đó, số liệu thực tế từ năm 2011 đến nay cho thấy toàn vùng xảy ra 35.943 vụ việc xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, trong đó có 2.661 vụ liên quan đến an ninh nông thôn [60, tr.1]. Điều này phản ánh các mâu thuẫn xã hội về đất đai, di cư tự do, sinh kế, cùng với hạn chế trong hoạt động của HTCT cơ sở vẫn tồn tại và tiềm ẩn nguy cơ tác động đến ANCT. Bên cạnh đó, những bất cập trong quản lý xã hội, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, cùng với sự suy giảm niềm tin ở một bộ phận quần chúng đã tạo điều kiện cho các tà đạo, đạo lạ phát sinh, phát triển. Đáng chú ý, các tổ chức phản động như FULRO và các đối tượng cực đoan tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá. Dưới các hình thức như “Người Thượng vì công lý”, “Tin Lành Đêgar”, “Hà Mòn”... các đối tượng này kích động tư tưởng ly khai, chia rẽ dân tộc. Trong điều kiện KGM phát triển, các hoạt động chống phá ngày càng mang tính xuyên biên giới, sử dụng công nghệ cao, gây khó khăn cho công tác kiểm soát và xử lý, đặt ra áp lực lớn đối với bảo đảm ANCT.

Trong giai đoạn hiện nay, việc thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2045 tiếp tục đặt ra yêu cầu mới. Quá trình điều chỉnh địa giới, tổ chức lại bộ máy HTCT nếu không gắn với nâng cao năng lực quản trị và nắm chắc tình hình địa bàn sẽ dễ phát sinh “khoảng trống” trong quản lý nhà nước, tạo điều kiện để các TLTD lợi dụng, chống phá. Đồng thời, các thách thức ANPTT như biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên, tội phạm công nghệ cao, thông tin xấu độc trên KGM... ngày càng gia tăng, làm cho môi trường ANCT trên địa bàn trở nên phức tạp và khó dự báo hơn.

Nhận thức rõ vai trò của Tây Nguyên, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương quan trọng. Nghị quyết số 23-NQ/TW (2022) xác định bảo đảm ANCT, trật tự, an toàn xã hội là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững vùng, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu chủ động phòng ngừa, đấu tranh

làm thất bại các âm mưu chống phá, giữ vững ổn định toàn vùng và cả nước [19, tr.5,13]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu “giữ vững ANCT, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước” [44, tr.381]. Điều này cho thấy yêu cầu bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên không chỉ mang tính thực tiễn cấp bách mà còn có cơ sở chính trị - pháp lý rõ ràng.

Dưới góc độ khoa học chính trị, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên cần được nhìn nhận trong tổng thể cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, qua đó góp phần củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tạo nền tảng CT - XH ổn định, bền vững. Tuy nhiên, cách tiếp cận này trong các nghiên cứu hiện nay vẫn chưa được luận giải một cách hệ thống, đặc biệt khi đặt trong mối liên hệ với đặc thù của địa bàn Tây Nguyên, vì vậy vẫn tồn tại khoảng trống cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung.

Từ những phân tích nêu trên có thể khẳng định, việc nghiên cứu đề tài “Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới” là hết sức cấp thiết. Về lý luận, kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần bổ sung, phát triển cơ sở lý luận về bảo đảm ANCT trong điều kiện mới, đồng thời làm rõ hơn cách tiếp cận từ góc độ chính trị học đối với vấn đề này, nhất là trong nghiên cứu các địa bàn chiến lược như Tây Nguyên. Về thực tiễn, đề tài cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định, hoàn thiện chủ trương, chính sách và đề xuất hệ thống giải pháp khả thi, phù hợp với đặc thù của địa bàn, qua đó góp phần giữ vững ổn định CT - XH, củng cố “thế trận lòng dân”, bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa trong tình hình mới.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn; phân tích, đánh giá thực trạng; dự báo xu hướng, xác định quan điểm và đề xuất giải pháp bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan, xác định khoảng trống nghiên cứu của luận án; *Hai là*, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên; *Ba là*, phân tích, đánh giá thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên giai đoạn 2011 - 30/6/2025, chỉ ra kết quả, hạn chế và nguyên nhân; *Bốn là*, dự báo các yếu tố tác động, xác định quan điểm và đề xuất giải pháp bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới dưới góc độ Chính trị học.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên; làm rõ chủ thể, nội dung, cơ chế, phương thức và các yếu tố tác động trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, CMCN 4.0, KGM, ANPTT và hoạt động chống phá của các TLTĐ.

- Về không gian: Chủ yếu trên địa bàn 05 tỉnh Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng đến ngày 30/6/2025), đồng thời xem xét trong mối liên hệ với các địa bàn liên quan trong nước và quốc tế.

- Về thời gian: Giai đoạn từ năm 2011 đến ngày 30/6/2025.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận và phương pháp luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm, đường lối của Đảng về bảo vệ ANQG, bảo đảm ANCT gắn với phát triển KT - XH và củng cố thế trận lòng dân. Đồng thời, luận án kế thừa các tiếp cận của khoa học chính trị, khoa học an ninh và quản trị công về quản trị an ninh, ANPTT, vai trò của HTCT và Nhân dân trong bảo đảm ANCT.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng cách tiếp cận liên ngành trong khoa học chính trị, kết hợp các phương pháp: nghiên cứu tài liệu, tổng kết thực tiễn, phân tích - tổng hợp, lịch sử - logic, thống kê mô tả, so sánh và dự báo khoa học. Ngoài ra, luận án sử dụng điều tra xã hội học với 486 phiếu hợp lệ tại 05 tỉnh Tây Nguyên và phỏng vấn sâu 09 chuyên gia nhằm bổ sung dữ liệu thực chứng, phục vụ đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

5. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án xây dựng khung phân tích về bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên dưới góc độ Chính trị học, làm rõ vai trò của HTCT, Nhân dân và cơ chế vận hành trong bảo đảm ANCT; *Thứ hai*, luận án cung cấp thêm bằng chứng thực tiễn về bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên thông qua khảo sát xã hội học và phỏng vấn chuyên gia, qua đó làm rõ những vấn đề mới nảy sinh trong bối cảnh mới; *Thứ ba*, luận án phân tích các nhân tố, cơ chế tác động mới đến ANCT trên địa bàn Tây Nguyên; đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp bảo đảm ANCT gắn với phát triển bền vững địa bàn.

6. Ý nghĩa của đề tài luận án

- **Ý nghĩa lý luận:** Luận án góp phần bổ sung cơ sở lý luận về bảo đảm ANCT trong bối cảnh mới từ góc độ khoa học chính trị; làm rõ mối quan hệ giữa bảo đảm ANCT với ổn định CT - XH và phát triển bền vững ở Tây Nguyên.

- **Ý nghĩa thực tiễn:** Luận án cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định, thực hiện chính sách bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên; là tài liệu tham khảo cho nghiên cứu, giảng dạy; đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm ANQG, ổn định CT - XH và quản trị ANCT trên các địa bàn chiến lược.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 04 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận và cách tiếp cận đối với bảo đảm an ninh chính trị

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã tiếp cận ANCT theo hướng ngày càng toàn diện, từ an ninh truyền thống sang an ninh phi truyền thống, gắn bảo đảm ANCT với quản trị quốc gia, ổn định CT - XH và phát triển bền vững. Các học giả như Jürgen Habermas, Barry Buzan, Joseph J. Romm, Peter J. Katzenstein, Lawrence Freedman... đã làm rõ vai trò của công lý, đồng thuận xã hội, thể chế, văn hóa, quản trị rủi ro và năng lực thích ứng trong bảo đảm an ninh. Một số nghiên cứu nhấn mạnh tác động của cạnh tranh chiến lược, toàn cầu hóa, truyền thông số và các yếu tố phi quân sự đối với ANQG, ANCT.

Ở Việt Nam, các công trình của Nguyễn Văn Hưởng, Phan Duy Quang, Mai Thị Hồng Liên, Tô Lâm, Nguyễn Tuấn Dũng... đã bổ sung và phát triển nhận thức lý luận về ANCT trong bối cảnh đổi mới, hội nhập và chuyển đổi số. Các nghiên cứu khẳng định ANCT không chỉ là bảo vệ chế độ, mà còn là quá trình chủ động phòng ngừa, quản trị các nguy cơ từ bên trong và bên ngoài; gắn với xây dựng thế trận lòng dân, phát huy vai trò của HTCT, Nhân dân và nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về thực trạng bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Các công trình nghiên cứu về Tây Nguyên tập trung làm rõ đặc điểm dân tộc, tôn giáo, văn hóa, HTCT cơ sở và các yếu tố tác động đến ANCT địa bàn. Nhiều nghiên cứu phân tích hoạt động

lợi dụng dân tộc, tôn giáo của FULRO và các TLTĐ; chỉ ra các nguy cơ từ tranh chấp đất đai, di cư tự do, bất bình đẳng xã hội, quản trị yếu kém, ANPTT và tác động của KGM.

Các công trình của Gerald C. Hickey, Trần Xuân Dung, Nông Văn Lưu, Hoàng Kông Tư, Nguyễn Văn Thuận, Bùi Minh Đạo, Bùi Quang Bạ, Mai Thị Hồng Liên, Triệu Văn Bình... đã góp phần làm rõ mối quan hệ giữa phát triển KT - XH, công tác dân tộc - tôn giáo, xây dựng HTCT cơ sở với giữ vững ổn định CT - XH và bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên. Nhiều nghiên cứu đồng thời nhấn mạnh vai trò của thể trận lòng dân, công tác dân vận, an sinh xã hội và quản trị cơ sở trong phòng ngừa bất ổn từ sớm, từ xa.

1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về quan điểm, giải pháp và mô hình bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên

Các công trình thuộc nhóm này tập trung nghiên cứu mô hình, giải pháp và phương thức xây dựng nền ANND, thể trận ANND, bảo vệ ANQG và giữ vững ổn định CT - XH ở các địa bàn chiến lược. Các nghiên cứu nhấn mạnh vai trò trung tâm của Nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và sự phối hợp của toàn HTCT trong bảo đảm ANCT.

Các công trình của Đặng Văn Hiếu, Bùi Quang Bạ, Phí Đức Tuấn, Mai Quang Hiện, Ksor H'Bo Khấp, Nguyễn Khắc Khánh, Thái Đại Ngọc... đã làm rõ yêu cầu kết hợp giữa phát triển KT - XH với củng cố QP - AN; giữa phòng ngừa xã hội với biện pháp nghiệp vụ; giữa quản trị địa phương với xây dựng thể trận lòng dân. Đồng thời, các nghiên cứu cũng đề xuất nhiều giải pháp về củng cố HTCT cơ sở, phát triển cán bộ DTTS, nâng cao hiệu quả quản lý tôn giáo, tăng cường công tác dân vận, đấu tranh trên KGM và xây dựng cơ chế phòng ngừa, cảnh báo sớm nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

1.2. GIÁ TRỊ CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Giá trị các công trình tổng quan liên quan đến đề tài luận án

Các công trình nghiên cứu đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng về an ninh quốc gia, an ninh chính trị và bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã cung cấp hệ thống nền tảng lý luận quan trọng, góp phần hình thành và phát triển nền tảng lý luận về ANCT theo hướng toàn diện, hiện đại.

Thứ hai, nhiều công trình đã làm rõ tác động của bối cảnh quốc tế và môi trường địa - chính trị đối với ANCT.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu trong nước đã góp phần cụ thể hóa lý luận ANCT phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Thứ tư, các công trình nghiên cứu về Tây Nguyên đã cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng, góp phần làm rõ đặc thù địa bàn và cơ chế phát sinh các nguy cơ đối với ANCT.

Thứ năm, một số công trình đã tiếp cận ANCT từ góc độ HTCT cơ sở và quản trị xã hội, qua đó làm rõ nền tảng xã hội của ổn định chính trị.

Thứ sáu, các công trình về quan điểm, mô hình và giải pháp bảo đảm an ninh chính trị đã bước đầu hình thành cơ sở thực tiễn cho tổ chức thực hiện, làm rõ vai trò của Đảng, Nhà nước, lực lượng Công an nhân dân và Nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn tiếp cận theo từng lĩnh vực riêng lẻ như dân tộc, tôn giáo, hệ thống chính trị cơ sở hay thể trận an ninh nhân dân; còn thiếu các nghiên cứu tích hợp, tiếp cận bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên như một chỉnh thể trong bối cảnh mới.

1.2.2. Những khoảng trống luận án tập trung nghiên cứu

Thứ nhất, còn thiếu một khung phân tích tổng hợp có khả năng lý giải đầy đủ cấu trúc và cơ chế vận động của ANCT trên địa bàn Tây Nguyên..

Thứ hai, vai trò của các chủ thể trong HTCT đối với bảo đảm ANCT chưa được lý giải một cách đầy đủ trong mối quan hệ tương tác.

Thứ ba, việc vận dụng các lý thuyết và cách tiếp cận hiện đại vào nghiên cứu ANCT còn thiếu tính hệ thống.

Thứ tư, còn thiếu các nghiên cứu có khả năng kết nối chặt chẽ giữa lý luận, thực tiễn và hệ thống giải pháp trong một cấu trúc thống nhất.

Thứ năm, vấn đề ANCT trên KGM gắn với đặc thù Tây Nguyên chưa được nghiên cứu tương xứng với yêu cầu thực tiễn; chưa làm rõ cơ chế phòng ngừa, giám sát và quản trị rủi ro thông tin ở cấp cơ sở trước các hoạt động chống phá trên môi trường số.

Từ những khoảng trống trên, luận án tập trung nghiên cứu bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên như một chỉnh thể vận động trong bối cảnh mới; làm rõ đặc thù, cơ chế tác động và yêu cầu đặt ra đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị, qua đó góp phần bổ sung cơ sở lý luận và cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chính sách và tổ chức thực tiễn.

Tiểu kết Chương 1

Chương 1 đã tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến ANQG, ANCT và bảo đảm ANCT. Nội dung tổng quan tập trung vào ba nhóm vấn đề chính: (1) cơ sở lý luận và cách tiếp cận đối với ANCT, (2) thực trạng bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, (3) quan điểm, mô hình và giải pháp bảo đảm ANCT ở các địa bàn chiến lược. Qua tổng quan cho thấy, các công trình đã cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc nghiên cứu đề tài.

Về lý luận, các nghiên cứu đã góp phần mở rộng nhận thức về ANCT từ cách tiếp cận truyền thống, thiên về bảo vệ nhà nước bằng quyền lực, sang cách tiếp cận toàn diện hơn, gắn với con người, xã hội, quản trị chính trị, phát triển bền vững gắn với thể trận lòng dân. Về thực tiễn, các công trình nghiên cứu về Tây Nguyên đã làm rõ tính chất đặc thù của địa bàn, nhất là các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, sinh kế, HTCT cơ sở, hoạt động của FULRO và các TLTĐ lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tác động đến ANCT.

Tuy nhiên, kết quả tổng quan cũng cho thấy các nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận vấn đề theo từng lát cắt riêng lẻ. Các công trình chưa hình thành được một khung phân tích tích hợp để lý giải ANCT trên địa bàn Tây Nguyên như một chỉnh thể vận động trong bối cảnh mới. Đặc biệt, vai trò của các chủ thể trong HTCT, cơ chế phối hợp giữa các lực lượng, tác động của ANPTT, KGM và quản lý, quản trị rủi ro đối với bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên vẫn cần tiếp tục được nghiên cứu sâu hơn. Trên cơ sở kế thừa những giá trị của các công trình đã công bố, luận án xác định hướng nghiên cứu tập trung vào việc làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng, cơ chế và yêu cầu của hoạt động bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Đây là cơ sở để luận án xây dựng các quan điểm và giải pháp phù hợp, góp phần giữ vững ổn định CT - XH, củng cố ANQG và thúc đẩy phát triển bền vững Tây Nguyên trong giai đoạn tiếp theo.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

VỀ BẢO ĐẢM ANCT TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

2.1. KHÁI NIỆM BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

2.1.1. Khái niệm an ninh, an ninh chính trị và an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

2.1.1.1. Khái niệm an ninh và an ninh quốc gia

- An ninh

Trong khoa học chính trị - xã hội hiện đại, an ninh không chỉ được hiểu là trạng thái không có xung đột hay đe dọa, mà còn là năng lực chủ động phòng ngừa, kiểm soát và xử lý rủi ro. Theo Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam, an ninh là “trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu đe dọa đến sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, tổ chức và xã hội” [24, tr.25].

Luật An ninh quốc gia (2004) tiếp cận theo hướng mở rộng khi xác định an ninh gắn với việc bảo đảm ổn định, phát triển bền vững và bảo vệ các lợi ích cốt lõi của quốc gia trong điều kiện mới [83].

Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh tiếp cận an ninh tổng hợp, bao gồm cả an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống, trên các không gian mới như không gian mạng, không gian vũ trụ, đồng thời đặt trọng tâm vào năng lực phòng ngừa và thích ứng [44, tr.71–72].

Từ những phân tích nêu trên, luận án xác định: *An ninh là trạng thái ổn định và an toàn của cá nhân, tổ chức, quốc gia, dân tộc, rộng hơn là toàn xã hội, trong đó các nguy cơ đe dọa đến sự tồn tại và phát triển cơ bản được ngăn chặn, kiểm soát hoặc loại trừ trong những điều kiện lịch sử - xã hội nhất định. Đồng thời, đó cũng là quá trình chủ động, liên tục của các chủ thể trong HTCT, vận hành theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, nhằm phòng ngừa, kiểm soát và xử lý các nguy cơ, bao gồm cả các yếu tố truyền thống và ANPTT, góp phần bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của CT - XH và ANQG.*

- *An ninh quốc gia*

ANQG là hình thái đặc thù của an ninh gắn với sự tồn tại và phát triển của quốc gia - nhà nước. Nội dung cốt lõi là bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ chính trị.

Theo Từ điển Bách khoa CAND Việt Nam, ANQG là “sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ...” [20, tr.24].

Luật An ninh quốc gia (2004) xác định rõ: “An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc” [83, tr.8]. Đồng thời, Luật cũng xác định nhiệm vụ bảo vệ ANQG là: “Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm ANQG, nguy cơ đe dọa ANQG” [83, tr.16]. Nội dung bảo vệ bao gồm các yếu tố trọng yếu: (1) bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước; (2) giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; (3) bảo đảm an ninh tư tưởng, văn hóa, đại đoàn kết dân tộc; (4) bảo vệ an ninh trong các lĩnh vực kinh tế, đối ngoại, quốc phòng; (5) bảo vệ bí mật nhà nước và mục tiêu quan trọng.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm lý luận và căn cứ pháp lý nêu trên, có thể hiểu một cách khái quát: *ANQG Việt Nam là trạng thái ổn định và phát triển bền vững của đất nước, trong đó các lợi ích cốt lõi của quốc gia - dân tộc, trước hết là chế độ chính trị, Nhà nước, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, được bảo đảm một cách chủ động, hiệu quả dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước và sự tham gia của toàn bộ HTCT cùng Nhân dân.*

2.1.1.2. Khái niệm an ninh chính trị và bảo đảm an ninh chính trị

- *An ninh chính trị*

Theo Bách khoa toàn thư CAND Việt Nam (2020), Phần An ninh - tập 1, “Chính trị là toàn bộ những hoạt động gắn với các mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc, mà hạt nhân là vấn đề giành, duy trì và sử dụng quyền lực nhà nước; sự tham gia của Nhân dân vào công việc của nhà nước; cũng như việc xác định hình thức tổ chức, nhiệm vụ và nội dung hoạt động của nhà nước” [21, tr.620].

Theo Từ điển Bách khoa CAND (2005), ANCT là “sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ chính trị; bao gồm nền tảng tư tưởng, thể chế chính trị, quyền lãnh đạo của Đảng...” [20, tr.20].

ANCT phản ánh trực tiếp chất lượng vận hành quyền lực chính trị trong xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, ANCT chịu tác động đồng thời của yếu tố nội sinh (HTCT, kinh tế - xã hội, niềm tin xã hội) và ngoại sinh (toàn cầu hóa, cạnh tranh chiến lược, ANPTT, KGM), làm cho ANCT mang tính động và phức hợp.

Từ những phân tích trên, luận án xác định: *ANCT là trạng thái ổn định và phát triển bền vững của cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” trong quá trình tổ chức*

và thực thi quyền lực chính trị, bảo đảm thực hiện hiệu quả đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, qua đó giữ vững ổn định CT - XH và tạo nền tảng cho phát triển bền vững, dưới sự tác động và tương tác của các yếu tố bên trong và bên ngoài.

- Bảo đảm an ninh chính trị

Bảo đảm ANCT là quá trình duy trì, củng cố và nâng cao trạng thái ANCT thông qua hoạt động của HTCT và toàn xã hội.

Theo Từ điển Bách khoa CAND (2005), bảo vệ ANCT là hoạt động “phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu xâm hại chế độ chính trị” [20, tr.20].

Trong điều kiện hiện nay, bảo đảm ANCT không chỉ giới hạn ở xử lý nguy cơ truyền thống mà còn bao gồm ứng phó ANPTT, đặc biệt là trên KGM, gắn với phát triển KT - XH và quản trị xã hội.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm nêu trên, có thể hiểu: *Bảo đảm ANCT là tổng thể các hoạt động có tổ chức của HTCT và Nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước, nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các yếu tố đe dọa từ bên trong và bên ngoài; qua đó giữ vững ổn định CT - XH, đồng thời bảo đảm sự vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ trong từng điều kiện lịch sử cụ thể.*

Luận án xác định ANCT là trạng thái, còn bảo đảm ANCT là quá trình, trong đó quá trình này giữ vai trò quyết định trực tiếp đến việc hình thành, duy trì và nâng cao chất lượng trạng thái ANCT trong thực tiễn phát triển của đất nước.

2.1.2. Khái niệm bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, quốc phòng - an ninh và đối ngoại, đồng thời có đặc thù đa dân tộc, đa tôn giáo, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, tồn tại nhiều vấn đề nhạy cảm như dân tộc, tôn giáo, đất đai và di cư.

Thực tiễn cho thấy các yếu tố như FULRO, các tổ chức phản động lưu vong và hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vẫn có tác động trực tiếp đến ổn định chính trị địa bàn, làm cho ANCT ở Tây Nguyên mang tính phức hợp và nhạy cảm cao.

Từ đó có thể nhận thấy, an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên không chỉ phản ánh trạng thái ổn định của hệ thống chính trị, mà còn thể hiện năng lực kiểm soát, xử lý và điều hòa các vấn đề xã hội đặc thù nảy sinh trong thực tiễn phát triển.

Trên cơ sở đó, có thể khái quát: Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên là quá trình hoạt động tổng hợp, thường xuyên của hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang và Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước, nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện, kiểm soát và xử lý các yếu tố đe dọa từ bên trong và bên ngoài; đồng thời giữ vững nền tảng tư tưởng, ổn định thể chế chính trị, bảo đảm sự vận hành thực chất, hiệu lực và hiệu quả của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, qua đó duy trì ổn định chính trị - xã hội và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn.

2.2. CHỦ THỂ, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

2.2.1. Chủ thể, lực lượng bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên

Bảo đảm ANCT là quá trình tổ chức và thực thi quyền lực chính trị nhằm giữ vững ổn định CT - XH và phát triển bền vững, vận hành trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, bảo đảm sự thống nhất về vị trí, chức năng và hoạt động của các chủ thể trong HTCT.

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, QP - AN và đối ngoại, đồng thời có đặc điểm đa dân tộc, đa tôn giáo, kinh tế - xã hội còn khó khăn, nhiều vấn đề nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư. Thực tiễn cho thấy hoạt động của FULRO, các tổ chức phản động lưu vong và các thế lực lợi dụng dân tộc, tôn giáo có tác động trực tiếp đến ổn định chính trị địa bàn. Vì vậy, bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên không chỉ là giữ vững trạng thái ổn định

mà còn là năng lực chủ động kiểm soát, xử lý các vấn đề xã hội đặc thù phát sinh trên địa bàn. Bảo đảm ANCT là hoạt động thống nhất của HTCT, trong đó:

- Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ thể lãnh đạo cao nhất, định hướng chiến lược, bảo đảm thống nhất chính trị trong toàn hệ thống.

- Nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, bộ ngành) thể chế hóa, quản lý và tổ chức thực thi pháp luật, chính sách về ANCT.

- Cấp ủy, chính quyền địa phương Tây Nguyên trực tiếp lãnh đạo, quản lý, xử lý các vấn đề phát sinh tại cơ sở.

- MTTQ và các tổ chức CT - XH giữ vai trò xây dựng đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết, giám sát và phản biện xã hội.

- LLVT, nòng cốt là CAND, trực tiếp tham mưu, nắm tình hình, phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hành vi xâm hại ANCT; QĐND giữ vai trò bảo vệ địa bàn chiến lược, biên giới và tham gia phát triển KT - XH.

- Nhân dân là chủ thể trung tâm, vừa là đối tượng bảo vệ vừa trực tiếp tham gia bảo vệ ANCT; “thế trận lòng dân” là nền tảng của ổn định chính trị.

Bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên là quá trình hoạt động tổng hợp, thường xuyên của HTCT, LLVT và Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước, nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện, kiểm soát và xử lý các yếu tố đe dọa từ bên trong và bên ngoài; đồng thời giữ vững nền tảng tư tưởng, ổn định thể chế chính trị, bảo đảm sự vận hành thực chất, hiệu lực và hiệu quả của cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, qua đó duy trì ổn định CT - XH và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn.

2.2.2. Nội dung cốt lõi bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên

Nội dung bảo đảm ANCT tập trung bảo đảm cơ chế chính trị vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, gắn với đặc thù Tây Nguyên.

- Bảo đảm an ninh thể chế: giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, hệ thống pháp luật thống nhất, kiểm soát quyền lực, nâng cao hiệu lực quản lý, quản trị nhà nước.

- Bảo đảm an ninh tư tưởng - văn hóa: bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin chính trị, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch.

- Gắn phát triển KT - XH với ANCT: giải quyết vấn đề sinh kế, đất đai, an sinh xã hội, giảm nguy cơ phát sinh mâu thuẫn xã hội từ cơ sở.

- Giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo: bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, bình đẳng dân tộc, đồng thời ngăn chặn lợi dụng dân tộc, tôn giáo để chống phá.

- Ứng phó ANPTT và KGM: quản lý thông tin, xử lý tin xấu độc, nâng cao kỹ năng số và năng lực quản trị không gian mạng.

Nội dung cốt lõi của bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên là bảo đảm cho cơ chế chính trị vận hành ổn định, trong đó thể chế và tư tưởng là nền tảng; quản lý - quản trị là khâu vận hành; giải quyết vấn đề xã hội và phòng ngừa nguy cơ là yếu tố trực tiếp giữ ổn định CT - XH.

2.2.3. Phương thức bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên

Phương thức bảo đảm ANCT là cách thức HTCT tổ chức và thực thi quyền lực chính trị nhằm duy trì ổn định cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, trong đó CAND giữ vai trò nòng cốt.

Thứ nhất, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng.

Thứ hai, phương thức quản lý và điều hành của Nhà nước.

Thứ ba, phương thức tổ chức lực lượng và hoạt động của LLVT, trong đó CAND giữ vai trò nòng cốt.

Thứ tư, phương thức vận động quần chúng và phát huy vai trò Nhân dân.

Thứ năm, phương thức truyền thông, đấu tranh tư tưởng và quản lý thông tin, nhất là trên KGM.

Các phương thức bảo đảm ANCT tuy khác nhau về nội dung nhưng thống nhất trong cơ chế vận hành của HTCT, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa Đảng, Nhà nước, LLVT, MTTQ và Nhân dân.

2.2.4. Tiêu chí đánh giá bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

2.2.4.1. Tiêu chí đánh giá việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của các chủ thể bảo đảm an ninh chính trị

2.2.4.2. Tiêu chí đánh giá việc thực hiện các nội dung bảo đảm an ninh chính trị

2.2.4.3. Tiêu chí đánh giá việc sử dụng các phương thức bảo đảm an ninh chính trị

2.3. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

2.3.1. Những biến động của tình hình thế giới, khu vực và các thách thức an ninh phi truyền thống

Biến động thế giới và khu vực trong bối cảnh toàn cầu hóa, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và tái cấu trúc chuỗi cung ứng đang làm gia tăng tính phức tạp, khó dự báo của môi trường an ninh. Các thách thức an ninh phi truyền thống (ANPTT) tác động đa chiều qua kinh tế, môi trường, xã hội và công nghệ, ảnh hưởng gián tiếp đến ổn định CT - XH ở Tây Nguyên.

Tác động rõ nhất là kinh tế. Tây Nguyên phụ thuộc lớn vào nông nghiệp và xuất khẩu nông sản nên dễ bị tổn thương trước biến động giá cả thị trường quốc tế. Dù kinh tế tăng trưởng mạnh (GRDP 2024 đạt 484,58 nghìn tỷ đồng; thu nhập bình quân 78,5 triệu đồng/người), nhưng tăng trưởng chưa đồng đều có thể làm phát sinh bất bình đẳng sinh kế, đặc biệt ở vùng DTTS, từ đó tích tụ bức xúc xã hội và nguy cơ bị lợi dụng.

Bên cạnh đó, ANPTT như suy thoái tài nguyên rừng, biến đổi khí hậu, hạn hán, thiếu nước làm gia tăng tranh chấp đất đai, vi phạm pháp luật và bất ổn xã hội. Việc triển khai các chính sách như Quyết định 297/QĐ-TTg (2019) có ý nghĩa giảm thiểu nguy cơ từ gốc.

Ở khía cạnh an ninh khu vực, Tây Nguyên với biên giới dài giáp Lào và Campuchia dễ bị tác động bởi tội phạm xuyên quốc gia như ma túy, mua bán người, xuất nhập cảnh trái phép. Các Nghị quyết của Đảng như 28-NQ/TW (2013), 33-NQ/TW (2018), 51-NQ/TW (2019), 44-NQ/TW (2023) khẳng định yêu cầu kết hợp phát triển với bảo đảm QP - AN.

2.3.2. Vị trí địa - chiến lược, điều kiện tự nhiên và không gian quản trị của Tây Nguyên

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược đặc biệt, diện tích lớn (54.548 km²), giáp Lào và Campuchia với đường biên giới dài khoảng 580 km [120, tr.104]. Đây là không gian có ý nghĩa đặc biệt trong bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia.

Điều kiện tự nhiên vừa là lợi thế vừa là thách thức: đất bazan rộng, rừng và tài nguyên phong phú tạo điều kiện phát triển KT - XH; tuy nhiên địa hình chia cắt, thiên tai và chênh lệch phát triển làm gia tăng bất bình đẳng và nguy cơ xã hội.

Không gian quản trị thay đổi mạnh sau sắp xếp đơn vị hành chính (2025), làm biến đổi tổ chức bộ máy, phân bổ nguồn lực và quan hệ xã hội, có thể phát sinh tâm lý so sánh lợi ích nếu không xử lý đồng bộ.

2.3.3. Đặc điểm dân cư, dân tộc, tôn giáo và di cư trên địa bàn Tây Nguyên

Tây Nguyên có cơ cấu dân cư đa dân tộc (54 dân tộc, DTTS chiếm ~38% dân số). Quan hệ dân tộc - tôn giáo gắn bó chặt chẽ, vừa là nguồn lực ổn định vừa tiềm ẩn nguy cơ nếu bị chính trị hóa.

Di cư làm biến đổi mạnh cấu trúc xã hội, từ mô hình biệt lập sang xen cư đa dân tộc, vừa thúc đẩy phát triển vừa làm gia tăng cạnh tranh đất đai, tài nguyên và việc làm.

Tôn giáo đa dạng (13/16 tôn giáo, hơn 2,25 triệu tín đồ) [22] với tỷ lệ DTTS cao, khiến các vấn đề tôn giáo dễ tác động sang quan hệ dân tộc nếu không xử lý thận trọng.

Di cư tự do trước đây từng gây áp lực lớn lên tài nguyên và quản lý xã hội; nhiều chính sách của Chính phủ (132/QĐ-TTg, 33/2007/QĐ-TTg, 39/2004/CT-TTg...) đã góp phần ổn định tình hình.

2.3.4. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội, chênh lệch phát triển và vấn đề sinh kế

Phát triển KT - XH là nền tảng của ổn định chính trị. Tây Nguyên đã có tăng trưởng đáng kể: GRDP 2024 đạt 484,58 nghìn tỷ đồng, thu nhập bình quân 78,5 triệu đồng/người [120]. Tuy nhiên, tỷ trọng đóng góp kinh tế còn thấp (khoảng 3,5% GDP cả nước), cho thấy mức phát triển chưa tương xứng.

Chênh lệch phát triển giữa các nhóm dân cư và khu vực còn lớn; GDP bình quân chỉ bằng ~58% mức trung bình cả nước. Tỷ lệ hộ nghèo DTTS cao hơn nhiều mặt bằng chung (ví dụ Đắk Nông: hộ nghèo DTTS 27,98%) [133].

Sự bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực có thể tạo tâm lý so sánh, bức xúc nảy sinh và bị xuyên tạc thành vấn đề “phân biệt”, “thiệt thòi vùng miền”, từ đó chuyển hóa thành vấn đề ANCT.

2.3.5. Quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường và những tác động đến an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên

Đây là lĩnh vực nhạy cảm nhất ở Tây Nguyên do gắn trực tiếp với sinh kế và văn hóa cộng đồng. Khiếu kiện đất đai chiếm tới 67,7% tổng vụ việc; riêng Tây Nguyên có 396 vụ tranh chấp phức tạp giai đoạn 2001–2018 [15].

Hiện có 180 công ty nông, lâm nghiệp quản lý 48,59% diện tích đất, trong khi hơn 52.940 hộ thiếu đất sản xuất [15], tạo ra mâu thuẫn lợi ích rõ rệt.

Suy giảm rừng (giảm 312.416 ha giai đoạn 2016–2020) làm gia tăng tranh chấp, vi phạm lâm luật và tội phạm môi trường [15]. Khi kết hợp với nghèo đói và quản trị yếu, nguy cơ bất ổn chính trị tăng cao.

2.3.6. Chất lượng lãnh đạo, hiệu lực quản lý nhà nước và sự phối hợp lực lượng

Chất lượng lãnh đạo của cấp ủy là yếu tố định hướng; hiệu lực quản lý nhà nước là công cụ thực thi; phối hợp lực lượng tạo sức mạnh tổng hợp.

Thực tiễn cho thấy nơi nào cấp ủy lãnh đạo tốt, dự báo đúng tình hình thì ANCT ổn định; ngược lại, hạn chế ở cơ sở có thể làm phát sinh bức xúc [139]. Quản lý đất đai, tôn giáo, khiếu kiện nêu hiệu quả sẽ giảm nguy cơ bất ổn.

Sự phối hợp giữa Công an, Quân đội và hệ thống chính trị theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP đã phát huy hiệu quả. Điển hình như xử lý vụ Cư Kuin (2023) [132], [133].

2.3.7. Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch đối với bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Các thế lực thù địch lợi dụng đặc điểm dân tộc, tôn giáo và địa bàn biên giới để chống phá, với mục tiêu kích động ly khai, hình thành “Nhà nước Đê ga”.

Sau các vụ bạo loạn 2001, 2004, hoạt động chuyển sang tuyên truyền bí mật, lợi dụng tôn giáo (“tà đạo Hà Môn”), kích động vượt biên, xuyên tạc chính sách. Giai đoạn 2010–2015, đã lôi kéo hàng nghìn người, đồng thời kích động vượt biên với hàng trăm vụ bị ngăn chặn.

Từ 2016, hoạt động chống phá chuyển mạnh sang không gian mạng (Facebook, YouTube, TikTok...), lan truyền thông tin xấu độc, kích động “ly khai”, “tự trị”. Tổ chức MSFJ (2019) còn lợi dụng tranh chấp đất đai để vu cáo nhân quyền.

Năm 2023, vụ Cư Kuin cho thấy sự kết hợp giữa kích động trên mạng và hành động bạo lực thực địa. Hoạt động chống phá ngày càng tinh vi, đa tầng, kết hợp “thực địa” với “không gian mạng”, tác động trực tiếp đến ổn định ANCT.

Tiểu kết Chương 2

Chương 2 đã xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) trên địa bàn Tây Nguyên. Trên nền tảng tiếp cận của khoa học chính trị, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước, luận án làm rõ các khái niệm cơ bản như an ninh, an ninh quốc gia, ANCT và bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Qua đó cho thấy, bảo đảm ANCT không chỉ là hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các nguy cơ xâm hại, mà còn là quá trình chính trị - xã hội tổng hợp nhằm giữ vững nền tảng tư tưởng, ổn định thể chế chính trị, bảo đảm vận hành hiệu

quả cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, duy trì ổn định CT - XH và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

Từ việc xác lập khái niệm trung tâm, Chương 2 đã làm rõ chủ thể, nội dung, phương thức và tiêu chí đánh giá bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên. Theo đó, đây là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và Nhân dân, được tổ chức từ Trung ương đến cơ sở; trong đó Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước quản lý thống nhất, lực lượng vũ trang mà nòng cốt là CAND giữ vai trò tham mưu và trực tiếp xử lý các nguy cơ; MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cùng Nhân dân tham gia xây dựng đồng thuận xã hội, củng cố thể trận lòng dân. Nội dung bảo đảm ANCT không chỉ giới hạn ở đấu tranh với các hoạt động chống phá trực tiếp, mà còn bao gồm bảo đảm an ninh thể chế, an ninh tư tưởng, nâng cao hiệu lực quản lý - quản trị xã hội, giữ vững ổn định cơ sở, giải quyết hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, sinh kế, môi trường và chủ động phòng ngừa các nguy cơ truyền thống, an ninh phi truyền thống, nhất là trên không gian mạng.

Chương 2 cũng phân tích các yếu tố tác động đến bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, gồm: biến động tình hình thế giới, khu vực và các thách thức ANPTT; vị trí địa - chiến lược, điều kiện tự nhiên và không gian quản trị; đặc điểm dân cư, dân tộc, tôn giáo và di cư; trình độ phát triển KT - XH, chênh lệch phát triển và vấn đề sinh kế; quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường; chất lượng lãnh đạo, hiệu lực quản lý nhà nước và sự phối hợp lực lượng; cùng hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Các yếu tố này tác động đan xen, vừa khách quan vừa chủ quan, vừa trực tiếp vừa gián tiếp, làm cho bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên mang tính tổng hợp, lâu dài và phức tạp.

Từ những phân tích đó có thể khẳng định, các yếu tố khách quan chỉ trở thành nguy cơ nghiêm trọng đối với ANCT khi năng lực lãnh đạo, quản lý, quản trị và phối hợp của hệ thống chính trị chưa đủ mạnh để nhận diện, điều tiết và hóa giải mâu thuẫn xã hội. Ngược lại, khi hệ thống chính trị vận hành thông suốt, gắn bó với Nhân dân, xử lý hiệu quả vấn đề từ cơ sở và củng cố được niềm tin xã hội, thì ANCT trên địa bàn Tây Nguyên sẽ được bảo đảm vững chắc. Đây là tiền đề lý luận và phương pháp luận quan trọng để Chương 3 tiếp tục phân tích thực trạng, đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong thời gian tới.

Chương 3

THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG THỜI GIAN QUA

3.1. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

3.1.1. Những kết quả đạt được trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

3.1.1.1. Kết quả về phát huy vai trò của các chủ thể trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

- Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng và hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên

Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng và quản lý của chính quyền giữ vị trí trung tâm, quyết định ổn định CT - XH và vận hành HTCT theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Nghị quyết 23-NQ/TW (06/10/2022) xác định gắn phát triển KT - XH với bảo đảm QP - AN, củng cố HTCT cơ sở và đại đoàn kết dân tộc. Trên cơ sở đó, các địa phương đã cụ thể hóa bằng nhiều nghị quyết, chương trình hành động: Lâm Đồng ban hành các Nghị quyết 14-NQ/TU (2018), 16-NQ/TU (2022), Chương trình 48-CTr/TU (2022), 75-CTr/TU (2024), nhân mạnh gắn phát triển với bảo đảm ANCT [119, tr.3-4]; Đắk Nông gắn giảm nghèo với vùng DTTS [134]; Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum tập trung dân vận, tôn giáo, kiến toàn phối hợp liên ngành [132], [136, tr.1], [138, tr.1]. Hiệu lực quản lý nhà nước được nâng lên: PAR Index 2024 đạt 85,63%, tăng 0,21 điểm; chỉ số

điều hành đạt 97,72%, xếp thứ 3/6 vùng KT - XH [23, tr.30-34]. Tình hình ANCT cơ bản ổn định, không phát sinh “điểm nóng” [113, tr.1]; nhiều địa phương giữ vững ổn định CT - XH [119, tr.1], [139, tr.1-2].

Chất lượng cán bộ được nâng cao: 67,1% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên; gần 60% sử dụng được tiếng DTTS; Kon Tum 100% cán bộ xã đạt chuẩn; cán bộ DTTS cấp tỉnh đạt 38,89% [139, tr.4-5]; Đắk Nông tuyển dụng, bồi dưỡng, bổ nhiệm nhiều cán bộ DTTS [134]. Chính sách dân tộc, an sinh tạo nền tảng ổn định: Chương trình 135 tại Kon Tum hỗ trợ 100.118 hộ, 2.035 công trình, giải ngân 94,57%, tổng kinh phí 145.247,2 triệu đồng [137, tr.1-3].

Khảo sát cho thấy: 89,2% cán bộ đánh giá lãnh đạo, chỉ đạo đạt “khá tốt” và “rất tốt”; 88,0% đánh giá triển khai nghị quyết hiệu quả; 84,1% ghi nhận phối hợp tốt; 84,6% đánh giá công tác tuyên truyền hiệu quả [A1.1–A1.6, PL3]. Người dân cũng ghi nhận tích cực: 46,0% đánh giá tốt lãnh đạo chính quyền; 55,2% đánh giá tích cực tuyên truyền; 69,2% thường xuyên nắm chính sách [A1.1–A2.3, PL4]. → Như vậy, vai trò lãnh đạo, quản lý không chỉ bảo vệ HTCT mà còn chuyển hóa thành năng lực tổ chức phát triển, giải quyết dân sinh, thu hẹp khoảng cách vùng DTTS, qua đó bảo đảm ANCT từ gốc.

- Vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên

LLVT, đặc biệt là CAND, giữ vai trò nòng cốt trong bảo đảm ANCT, đồng thời tham gia xây dựng HTCT cơ sở và thế trận lòng dân. Nghị định 03/2019/NĐ-CP, tạo cơ chế phối hợp CAND - QĐND - Biên phòng - dân quân trong nắm tình hình, tuần tra, xử lý ANCT.

Binh đoàn 15 là mô hình tiêu biểu: năm 2024 đạt 2.950 tỉ đồng sản xuất, 2.764 tỉ doanh thu, thu nhập 7,5 triệu đồng/người/tháng; tạo việc làm cho gần 15.000 lao động (9.330 lao động DTTS), ổn định hơn 13.000 hộ dân, duy trì hệ thống y tế - giáo dục quân dân [88]. Phối hợp lực lượng đạt hiệu quả cao: 95,6% cán bộ đánh giá phối hợp ở mức tốt/rất tốt; 79,0% nắm và thực hiện tốt quy chế phối hợp [B1.4, B3.3, PL3].

Bên cạnh đó, LL CAND tăng cường đấu tranh với các loại tội phạm: Đắk Lắk giảm 32,94% tội phạm năm 2025, điều tra án nghiêm trọng đạt trên 94%; Đắk Nông giảm 11,47%, làm rõ 82,39%; Gia Lai giải quyết 97,3% tin báo; Kon Tum bố trí 766 cán bộ CAND tại 100% xã [25]–[28]. Người dân đánh giá tích cực: 78,5% đánh giá phối hợp tốt; 68,8% coi LLVT là lực lượng nòng cốt; 71,2% đánh giá khả năng nắm tình hình tốt [B1.1–B1.4, PL4]. → LLVT vừa bảo vệ an ninh, vừa tham gia phát triển xã hội, tạo nền tảng ổn định chính trị từ cơ sở.

- Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên

MTTQ và các tổ chức CT - XH giữ vai trò huy động Nhân dân, củng cố đồng thuận xã hội và thế trận lòng dân.. Chỉ thị 09-CT/TW xác định rõ vai trò vận động Nhân dân bảo vệ ANTT. Các địa phương triển khai mạnh phong trào toàn dân, gắn phát triển KT - XH với ổn định CT - XH [119, tr.3-4]. Giai đoạn 2019–2024, MTTQ các tỉnh huy động mạnh nguồn lực xã hội: Đắk Lắk đóng góp 393,8 tỷ đồng, hiến hơn 454.000 m² đất; Gia Lai phát triển nhiều mô hình cộng đồng; Lâm Đồng tổ chức hàng nghìn đợt tuyên truyền với 280.000 lượt người [29].

Công tác hòa giải đạt trên 80% thành công, góp phần giảm nguy cơ “điểm nóng” [28]. Vai trò già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo được phát huy [137, tr.4]. Khảo sát: 74,4% cán bộ đánh giá MTTQ và đoàn thể tốt; 68,0% người dân đánh giá tích cực; 73,2% ghi nhận uy tín già làng; 72,8% đánh giá tích cực chức sắc tôn giáo [C1.1–C1.4, PL3-PL4] → MTTQ và đoàn thể ngày càng tham gia sâu vào quản trị xã hội, không chỉ vận động mà còn điều tiết lợi ích và phòng ngừa rủi ro chính trị từ cơ sở.

- Vai trò của Nhân dân, già làng, người có uy tín và chức sắc tôn giáo trong bảo đảm ANCT địa bàn Tây Nguyên

Nhân dân là chủ thể nền tảng của thế trận an ninh nhân dân, giữ vai trò quyết định trong bảo đảm ANCT từ cơ sở [44, tr.78]. Thực tiễn: Đắk Lắk có 2.797 tổ ANTT, 48.716 lượt tuần tra; Gia Lai có 871 tổ ANND, 1.457 tổ hòa giải; Kon Tum có 756 tổ [32], [33].

Nhân dân cung cấp thông tin quan trọng: Kon Tum 551 nguồn tin, 486 tin có giá trị, giúp khám phá 101 vụ án [32]. Nhận thức chính trị cao: 69,2% thường xuyên nắm chính sách; 67,6% tham gia sinh hoạt chính trị; 76,7% đánh giá tích cực đoàn kết dân tộc; 95,9% ghi nhận hiệu quả chính sách dân tộc, tôn giáo [A2.2–A2.4, D1.3, D1.4, PL4].

Phong trào toàn dân bảo vệ ANCT phát triển rộng: Gia Lai 303.217 lượt người; Kon Tum 279.978 lượt; Đắk Nông 3.400 mô hình [31], [33], [146]. Vai trò già làng, người có uy tín được phát huy: Kon Tum hỗ trợ 11.859,7 triệu đồng, bồi dưỡng 1.748 lượt người [137, tr.4]. Trong không gian mạng, 40,8% người dân từng gặp tin sai; 47,6% từng chia sẻ lại → cho thấy vừa là chủ thể vừa là đối tượng chịu tác động [D2, PL4]. → Nhân dân vừa tham gia trực tiếp bảo vệ ANCT, vừa hình thành mạng lưới tự quản và đóng vai trò trung tâm trong “thế trận lòng dân”.

3.1.1.2. Kết quả về nội dung bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên

Thứ nhất, bảo đảm an ninh thể chế địa bàn Tây Nguyên

Bảo đảm an ninh thể chế là nội dung trọng yếu của ANCT, nhằm duy trì sự ổn định, thống nhất và hiệu lực vận hành của HTCT, bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu quả quản lý của chính quyền. Ở Tây Nguyên, yêu cầu này đặc biệt quan trọng do tính chất địa bàn chiến lược, nhạy cảm. Công tác này được triển khai trong khuôn khổ các nghị quyết như Nghị quyết 23-NQ/TW (2022), Nghị quyết 12-NQ/TW và các chủ trương tinh gọn bộ máy. Ở địa phương, Lâm Đồng nhiệm kỳ 2020–2025 giữ vững ổn định CT–XH, hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy [119, tr.1].

HTCT được củng cố theo hướng rõ trách nhiệm, bám cơ sở, không để xảy ra “điểm nóng”. Kon Tum bảo đảm tốt quản lý nhà nước, giữ vững trật tự hành chính [140, tr.1-2]. Khảo sát cho thấy 88,4% cán bộ đánh giá lãnh đạo, chỉ đạo tốt; 88,0% đánh giá triển khai nghị quyết hiệu quả; 93,6% đánh giá phối hợp lực lượng tốt [PL3]. Công tác kiểm tra, giám sát đạt 78,8%; phối hợp liên ngành 84,1%; xử lý tình huống 94,8%; phối hợp CAND–QĐND–dân quân 93,7%.

Người dân có 69,2% thường xuyên nắm chủ trương; 46,0% tham gia sinh hoạt chính trị; 60,4% đánh giá tích cực giải quyết mâu thuẫn [PL4]. Cán bộ cấp xã Kon Tum 100% đạt chuẩn, tỷ lệ DTTS trong cơ quan công tác dân tộc 38,89% [140]. An ninh thể chế được củng cố trên 3 trụ cột: tổ chức tinh gọn; phối hợp hiệu quả (88,9% cán bộ đánh giá tích cực); và ổn định CT–XH cao (97,0% đánh giá tốt) [PL3].

Thứ hai, bảo đảm an ninh tư tưởng trên địa bàn Tây Nguyên

An ninh tư tưởng gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin và đấu tranh phản bác quan điểm sai trái theo Nghị quyết 35-NQ/TW (2018).

Công tác này được triển khai đồng bộ qua Nghị quyết Trung ương 4 (XII, XIII), Chỉ thị 05-CT/TW, Kết luận 01-KL/TW. Tại địa phương, Lâm Đồng nhấn mạnh đổi mới công tác tư tưởng [119]; Kon Tum đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS [139]. Hiệu quả khá rõ: 86,9% cán bộ đánh giá đấu tranh phản bác tốt; 90,9% đánh giá tuyên truyền hiệu quả [PL3]. 46,0% người dân đánh giá quan tâm ANCT tốt [PL4]. Có 69,2% người dân nắm chủ trương; 40,8% tiếp cận thông tin chính thống. Kênh truyền thông đa dạng: truyền hình 64,8%; mạng xã hội 59,6%; báo chí 53,6%; sinh hoạt cộng đồng 50,8% [PL4]. Khối đại đoàn kết được củng cố: 89,7% cán bộ và 76,7% người dân đánh giá tích cực; 83,8% cán bộ và 95,9% người dân đánh giá hiệu quả chính sách dân tộc, tôn giáo [PL3; PL4].

Cán bộ có 94,8%–96,8% yêu cầu tăng cường kỹ năng số, an ninh mạng [PL3]. Vai trò già làng, người uy tín tiếp tục quan trọng, với 11.859,7 triệu đồng hỗ trợ, 1.748 lượt bồi dưỡng tại Kon Tum [137]. Nhìn chung, an ninh tư tưởng được giữ vững, kết hợp tốt giữa “xây” và “chống”.

Thứ ba, bảo đảm ổn định KT - XH gắn với ANCT trên địa bàn Tây Nguyên

Ổn định KT–XH là nền tảng của ANCT, gắn với Nghị quyết 23-NQ/TW (2022), Nghị quyết 152/NQ-CP (2022) và các nghị quyết địa phương. 86,0% cán bộ và 59,2% người dân đánh giá phát triển KT–XH góp phần ổn định chính trị [PL3; PL4]. Tây Nguyên duy trì ổn định, tạo điều kiện phát triển hạ tầng, đầu tư và sinh kế.

Tại Lâm Đồng, các dự án lớn như cao tốc Tân Phú–Bảo Lộc được triển khai, mở rộng liên kết vùng. Gia Lai xử lý tốt tranh chấp, không để “điểm nóng”, đồng thời hỗ trợ 87 căn nhà cho người dân bị thiên tai. Kon Tum gắn phát triển KT–XH với giảm nghèo, dân vận và an sinh.

Chương trình 135 tại Kon Tum đạt 94,57% kế hoạch, hỗ trợ hơn 100.000 lượt hộ; đầu tư 2.035 công trình [137]. Năm 2023, GRDP đạt 19.100 tỷ đồng, tăng 8,33%; thu nhập bình quân 58,8 triệu đồng/người [140]. Tỷ lệ hộ DTTS nghèo vẫn cao (95,43%) [141]. 95,2% cán bộ đánh giá vai trò già làng tốt; 87,7% đánh giá khả năng hòa giải tích cực [PL3]. 97,0% cán bộ đánh giá ổn định CT–XH tốt [PL3].

Thứ tư, bảo đảm an ninh dân tộc và an ninh tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên

Tây Nguyên có đặc trưng đa dân tộc, đa tôn giáo với gần 2,3 triệu tín đồ (38,5% dân số), 13/16 tôn giáo được công nhận. Quan hệ dân tộc cơ bản ổn định: 97,0% cán bộ và 76,7% người dân đánh giá đoàn kết tốt [PL3; PL4]. Kon Tum triển khai nhiều chương trình hỗ trợ hơn 100.000 lượt hộ; Đắk Nông có 42,3% dân số là DTTS [134].

Các lực lượng chức năng xử lý hiệu quả hoạt động chống phá: xóa 158 khung “Tin lành Đêga”, vận động hơn 30.000 người quay lại sinh hoạt hợp pháp [22]. Giải quyết 56.268 hộ nhà ở, 72.695 hộ đất sản xuất. Vai trò già làng, người uy tín tiếp tục quan trọng (95,2% cán bộ đánh giá tốt) [PL3]. Các mô hình tự quản đạt hiệu quả 62,8% [PL4]. An ninh tôn giáo ổn định: 81,7% cán bộ đánh giá chức sắc tôn giáo tích cực; 72,8% người dân đồng tình [PL3; PL4].

Thứ năm, bảo đảm ANCT trước hoạt động chống phá của các TLTĐ, các thách thức ANPTT và những vấn đề nảy sinh trên KGM

Không gian mạng trở thành địa bàn trọng yếu của ANCT. Luật An ninh mạng 2018 và các chính sách chuyên đổi số tạo nền tảng pháp lý quan trọng. Các thế lực thù địch gia tăng hoạt động trên mạng xã hội. Vụ Cuur Kuin (2023) cho thấy sự kết hợp giữa tổ chức phản động và nền tảng số trong điều phối hoạt động chống phá. 75,7% cán bộ đánh giá bảo đảm ANCT trên không gian mạng tốt; 72,8% đánh giá phòng chống tin giả hiệu quả [PL3]. 96,8% cán bộ được đào tạo kỹ năng số; 95,2% có khả năng nhận diện tin giả tốt.

Mạng xã hội là kênh tiếp cận thông tin lớn (59,6%). Ngoài ra, thiên tai và biến đổi khí hậu gây thiệt hại lớn: riêng năm 2025, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng thiệt hại hàng trăm tỷ đồng, nhiều nhà dân bị ảnh hưởng. Bảo đảm ANCT trên KGM cần kết hợp pháp luật, công nghệ và truyền thông cơ sở, đồng thời nâng cao năng lực tự kiểm chứng thông tin của người dân.

3.1.1.3. Kết quả về phương thức bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên thời gian qua

Thứ nhất, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và quản lý, điều hành của Nhà nước

Phương thức này thể hiện sự kết hợp giữa định hướng chính trị, tổ chức thực thi, kiểm tra giám sát và phân bổ nguồn lực, góp phần chuyển từ quản trị bị động sang chủ động phòng ngừa. Khảo sát cho thấy 88,0% cán bộ đánh giá việc quán triệt nghị quyết đạt “khá tốt” và “rất tốt” (34,4% “rất tốt”) [A1.2, PL3]; 89,2% đánh giá lãnh đạo, chỉ đạo tích cực [A1.1, PL3]. Điều này phản ánh sự chuyển hóa từ chủ trương sang năng lực thực thi trong HTCT.

Tại địa phương, các chương trình MTQG được triển khai đồng bộ: Gia Lai ban hành Chương trình 29-CTr/TU (2022) và Nghị quyết 17/2022/NQ-HĐND [135]; Đắk Nông bố trí 768.180 triệu đồng (2022–2023); Kon Tum đạt 2.076,12 tỷ đồng ngân sách Trung ương [133], [141].

Công tác kế hoạch hóa được tăng cường (58,0% ban hành kế hoạch từ 3 lần trở lên) [A2.1, PL3]; kiểm tra giám sát hiệu quả (78,8%) [A1.3, PL3]. Kon Tum đã thực hiện 401 cuộc thanh tra, phát hiện sai phạm 44 tỷ đồng và 4.190 ha đất, kiến nghị thu hồi 21,1 tỷ đồng [141].

Phối hợp và minh bạch được nâng cao (84,1% và 80,6%) [A1.4; A1.5, PL3], nhưng đối thoại với Nhân dân còn hạn chế (47,2% chưa tham gia; chỉ 43,6% đơn vị đối thoại ≥ 3 lần) [A2.2; A3, PL4].

Tuyên truyền đạt hiệu quả khá cao: 84,6% cán bộ đánh giá tốt; 69,2% người dân nắm chủ trương [A1.6; A2.3, PL4], với kênh tiếp cận đa dạng (truyền hình 64,8%; mạng xã hội 59,6%; báo chí 53,6%) [A4, PL4].

Chuyển đổi số bước đầu hình thành (42,0% nắm cơ bản; 28,0% nắm vững; 14,0% triển khai) [A3.4, PL3]; 57,6% đánh giá rất cần thiết [D5.1, PL3]. Kon Tum đã số hóa 100% văn bản và xử lý hồ sơ điện tử [141].

Niềm tin xã hội được củng cố (93,4% cán bộ đánh giá tin cậy cao; 73,2% người dân đánh giá thủ tục thuận tiện) [F2.1; A1.11; A1.12, PL4]. → Phương thức lãnh đạo – quản lý đã chuyển sang quản trị chủ động, phòng ngừa rủi ro.

Thứ hai, phương thức phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT, đặc biệt là giữa các LLVT, được xác lập và vận hành ngày càng hiệu quả

Phối hợp liên ngành, đặc biệt giữa CAND, QĐND, Bộ đội Biên phòng và Dân quân tự vệ, là phương thức trọng tâm trong bảo đảm ANCT.

Theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP, phối hợp được triển khai thường xuyên trong năm tình hình, tuần tra và xử lý tình huống. Có 95,6% cán bộ đánh giá phối hợp tốt (39,2% “rất tốt”) [B1.4, PL3]; 79,0% nắm vững quy chế phối hợp [B3.3, PL3].

Các địa phương giữ vững ổn định, không phát sinh điểm nóng [133], [135], [139]. Phối hợp mở rộng với MTTQ và đoàn thể: 88,9% đánh giá hiệu quả chung [E1.6, PL3].

Các phương án tác chiến được chuẩn hóa: 89,1% nắm “4 tại chỗ”; 89,3% về “diễn biến hòa bình”; 72,4% về nắm dư luận xã hội [B3.4; B3.7; B3.5, PL3].

Tuy nhiên còn hạn chế: chùng chéo chức năng (53,2%), thiếu chia sẻ dữ liệu (55,3%), thiếu quy trình (43,8%) [E3, PL3]. Nhu cầu hoàn thiện rất cao: 97,2% cần hoàn thiện cơ chế; 96,8% cần chia sẻ dữ liệu; 95,5% cần diễn tập [D5.2; E5.1; E5.2, PL3]. → Phối hợp đã hiệu quả nhưng cần chuẩn hóa theo hướng dữ liệu hóa và quy trình hóa.

Thứ ba, phương thức vận động quần chúng, phát huy vai trò Nhân dân

Đây là phương thức nền tảng, dựa trên vai trò cộng đồng và người có uy tín. Đăk Nông có 295–309 người có uy tín; Gia Lai có 955 người được hỗ trợ [133], [135]. Các mô hình tự quản, hòa giải phát huy hiệu quả; Kon Tum có 756 thôn, 89,67% trưởng thôn là đảng viên, 95,92% tổ trưởng là đảng viên [140]. Công tác tuyên truyền mở rộng: Đăk Nông 1.654 học sinh và 636 học viên; Gia Lai gần 500 học viên và 24.000 tờ rơi đến địa bàn [133], [135]. → Góp phần củng cố đồng thuận xã hội và phòng ngừa bất ổn từ cơ sở.

Thứ tư, phương thức truyền thông, đấu tranh tư tưởng và quản lý thông tin trên KGM

Phương thức truyền thông chuyển sang đa kênh: truyền hình (64,8%), mạng xã hội (59,6%), báo chí (53,6%), sinh hoạt cộng đồng (50,8%) [A4, PL4]. Các địa phương tăng cường truyền thông chính sách và sử dụng ngôn ngữ dân tộc [133], [135], [139]. Trọng tâm là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh thông tin sai lệch.

Thứ năm, phương thức ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong bảo đảm ANCT bước đầu đạt kết quả tích cực.

Chuyển đổi số hình thành phương thức mới trong bảo đảm ANCT. 42,0% cán bộ nắm cơ bản, 28,0% nắm vững, 14,0% triển khai [A3.4, PL3]; 57,6% đánh giá rất cần thiết [D5.1, PL3]. Kon Tum cung cấp 1.170 dịch vụ công, số hóa 100% văn bản, tích hợp 73,31% thủ tục lên Cổng DVC quốc gia, đồng thời ghi nhận 17 cuộc tấn công mạng [139]. → Hình thành nền tảng quản trị ANCT dựa trên dữ liệu.

Thứ sáu, phương thức kết hợp giữa phát triển KT - XH với bảo đảm ANCT tiếp tục được khẳng định là cách tiếp cận hiệu quả và phù hợp với đặc thù Tây Nguyên.

Phát triển KT–XH là nền tảng xử lý từ gốc bất ổn. Đăk Nông: 7,97% hộ nghèo; DTTS chiếm 42,3% dân số, hộ nghèo DTTS 20,11% [133]. Kon Tum tăng thu nhập từ 43,2 triệu (2020) lên 57,8 triệu (2023), hộ nghèo còn 10,86% [139]. Hỗ trợ sinh kế: Đăk Nông hỗ trợ 9.705,186 triệu đồng cho 1.271 hộ; Kon Tum hỗ trợ 527,115 tấn gạo và 53.067 suất quà [139]. Giáo dục - y tế được

củng cố: 368 cơ sở giáo dục; 100% xã có trạm y tế; 90% dân số tham gia BHYT [133]. → Phát triển KT–XH trực tiếp củng cố ổn định chính trị.

3.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Thứ nhất, sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của cấp ủy Đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp là nguyên nhân có ý nghĩa quyết định.

Thứ hai, vai trò nòng cốt của LLVT, đặc biệt là CAND và QĐND, là nhân tố trực tiếp bảo đảm ANCT.

Thứ ba, việc kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở là nguyên nhân trực tiếp nâng cao năng lực bảo đảm ANCT từ cơ sở.

Thứ tư, phát triển KT - XH gắn với bảo đảm ANCT là nền tảng căn bản của ổn định CT - XH.

Thứ năm, phát huy thế trận lòng dân và vai trò của các chủ thể xã hội trong cộng đồng là nền tảng xã hội bền vững của bảo đảm ANCT.

Thứ sáu, đổi mới phương thức bảo đảm ANCT theo hướng quản trị chủ động, kết hợp truyền thống với hiện đại là nguyên nhân quan trọng nâng cao hiệu quả thực tiễn.

3.2. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

3.2.1. Những hạn chế chủ yếu trong bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

3.2.1.1. Hạn chế về chủ thể bảo đảm an ninh chính trị

Năng lực chủ thể, nhất là HTCT cơ sở, còn thiếu đồng đều; phương thức chủ yếu vẫn thiên về hành chính, sự vụ, chưa đáp ứng yêu cầu phòng ngừa từ sớm. Một số vụ việc nghiêm trọng (2001, 2004; Ea Tiêu, Ea Ktur năm 2023) cho thấy hạn chế trong nắm bắt, dự báo và xử lý từ cơ sở.

Cơ cấu cán bộ chưa tương xứng (DTTS 37,65% dân số nhưng cán bộ xã khoảng 26%). Chất lượng thực thi còn hạn chế: 10,8% cán bộ đánh giá quán triệt nghị quyết mức trung bình, 1,6% yếu; kiểm tra, giám sát 17,9% trung bình, 3,3% yếu [A1.2; A1.3]. Có 91,8% cán bộ thừa nhận hạn chế năng lực cán bộ cơ sở [E2.1]; 82,6% phản ánh thiếu kinh phí, 57,4% thiếu tập huấn, 55,3% thiếu phối hợp [E3]. Đối thoại với dân chưa thường xuyên, 47,2% người dân chưa từng tham gia [A3, PL4]. → Hạn chế nổi bật là năng lực không đồng đều, cơ chế phối hợp yếu và điều kiện bảo đảm thiếu.

3.2.1.2. Hạn chế về nội dung bảo đảm an ninh chính trị

An ninh thế chế còn bất cập; một số lĩnh vực nhạy cảm (đất đai, tôn giáo, khiếu kiện) chưa minh bạch, ảnh hưởng niềm tin xã hội. Phát triển KT - XH chưa tương xứng tiềm năng: tăng trưởng GRDP 4,6–6%/năm; xuất khẩu thô 70–80%; giá trị gia tăng nông sản 15–20%. Hạ tầng và đầu tư công còn yếu (giải ngân 50–60%; đô thị hóa 25–30%; cụm công nghiệp <40%). Nghèo DTTS còn cao (bình quân 77,74%).

Đất đai là điểm nóng (95% đơn thư khiếu kiện; gần 400 vụ 2001–2018; vụ Quảng Trục 2016 gây hậu quả nghiêm trọng). 86,9% cán bộ đánh giá quản lý đất đai, tôn giáo còn bất cập [E2.2].

Tôn giáo, dân tộc, di cư còn phức tạp; hơn 144 điểm tôn giáo chưa công nhận; 9.828 đối tượng FULRO cũ. 40,8% người dân từng tiếp cận tin sai lệch; 79,1% cán bộ đánh giá xử lý tin giả chưa hiệu quả [E2.3].

→ Nội dung bảo đảm ANCT chịu áp lực từ phát triển kinh tế chậm và vấn đề xã hội tích tụ.

3.2.1.3. Hạn chế về phương thức bảo đảm an ninh chính trị

Phương thức còn nặng hành chính, xử lý tình huống, chưa chuyển mạnh sang quản trị rủi ro và phòng ngừa.

Quản lý đất đai, quy hoạch, MTQG còn vướng mắc; phối hợp liên ngành chưa hiệu quả (53,2% chồng chéo; 55,3% thiếu cơ chế phối hợp; 57,4% thiếu tập huấn [E3]).

Công tác dân vận, truyền thông và xử lý KGM còn chậm; 26,9% cán bộ nắm vững an ninh mạng; 47,1% đơn vị chưa tập huấn xử lý tin giả [D2].

→ Hạn chế cốt lõi là chậm chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị an ninh hiện đại, dựa trên phòng ngừa và dữ liệu.

3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên thời gian qua

3.2.2.1. Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức về ANCT chưa đầy đủ, còn thiên về xử lý vụ việc. Năng lực cán bộ cơ sở hạn chế, một bộ phận chưa đạt chuẩn, thiếu trách nhiệm. Tổ chức thực hiện chính sách chưa quyết liệt, kiên trì, thiếu đồng bộ. Phối hợp liên ngành chưa rõ trách nhiệm, quy trình và dữ liệu. Dân vận, truyền thông chậm đổi mới, chưa hiệu quả trong xử lý tin giả và KGM.

3.2.2.2. Nguyên nhân khách quan

Địa bàn rộng, chia cắt, biên giới dài 141 km (Đắk Nông), dân cư phân tán, vùng DTTS lớn. Các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư mang tính lịch sử, khó giải quyết triệt để; nhiều dự án vướng quy hoạch, giải ngân thấp.

Toàn cầu hóa và KGM làm gia tăng thông tin xuyên biên giới, tin giả và cực đoan hóa xã hội. Các thách thức ANPTT (biến đổi khí hậu, tội phạm mạng, ma túy...) gia tăng áp lực quản trị và ổn định xã hội.

3.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG THỜI GIAN TỚI

3.3.1. Vấn đề về hiệu quả thực hiện vai trò của các chủ thể trong bảo đảm an ninh chính trị

3.3.2. Vấn đề gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh chính trị và ổn định xã hội

3.3.3. Vấn đề kiểm soát các yếu tố rủi ro từ đất đai, tài nguyên và các lĩnh vực nhạy cảm

3.3.4. Vấn đề đổi mới phương thức bảo đảm an ninh chính trị trong điều kiện gia tăng thách thức an ninh phi truyền thống và không gian mạng

3.3.5. Vấn đề về chất lượng đội ngũ cán bộ và điều kiện bảo đảm cho hoạt động bảo đảm an ninh chính trị

Tiểu kết Chương 3

Chương 3 đã phân tích thực trạng bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) trên địa bàn Tây Nguyên trong mối quan hệ với đặc điểm địa - chính trị, dân tộc, tôn giáo, trình độ phát triển KT - XH và bối cảnh mới. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thời gian qua công tác bảo đảm ANCT đạt nhiều kết quả quan trọng. Vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và nòng cốt của LLVT tiếp tục được khẳng định; MTTQ, các tổ chức CT - XH, già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo và Nhân dân ngày càng tham gia tích cực hơn, góp phần hình thành cơ chế bảo đảm ANCT phù hợp đặc thù Tây Nguyên, kết hợp quản lý nhà nước với dân vận, đối thoại, hòa giải và xây dựng thể trận lòng dân.

Về nội dung, bảo đảm ANCT được triển khai trên nhiều phương diện: an ninh thể chế, tư tưởng, dân tộc, tôn giáo, KT - XH, đấu tranh với hoạt động chống phá của TLTD, ứng phó ANPTT và các vấn đề phát sinh trên không gian mạng. Trong đó, mối quan hệ giữa phát triển KT - XH và bảo đảm ANCT ngày càng được nhận thức rõ hơn; phát triển kinh tế, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội đã góp phần củng cố niềm tin, hạn chế các yếu tố bất ổn từ gốc.

Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế đáng chú ý: năng lực một bộ phận chủ thể, nhất là HTCT cơ sở, chưa đồng đều; quản lý đất đai, dân tộc, tôn giáo, di cư còn nhiều vướng mắc; phương thức bảo đảm ANCT ở một số nơi còn nặng về hành chính, chậm chuyển sang quản trị rủi ro, phòng ngừa và dự báo. Bên cạnh đó, tác động của KGM và các thách thức ANPTT làm gia tăng tính phức tạp, lan truyền nhanh và khó kiểm soát của các nguy cơ mất ổn định.

Từ đó cho thấy, bảo đảm ANCT ở Tây Nguyên trong thời gian tới cần được tiếp cận theo tư duy quản trị tổng hợp, lấy phòng ngừa làm trọng tâm; nâng cao chất lượng HTCT cơ sở; phát huy vai trò Nhân dân; kiểm soát hiệu quả các lĩnh vực nhạy cảm; gắn chặt phát triển KT - XH với ổn định CT - XH; đồng thời đổi mới phương thức bảo đảm ANCT trong điều kiện KGM và ANPTT gia tăng. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng cho Chương 4 đề xuất phương hướng và giải pháp bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.1.1. Dự báo tình hình và xu thế quốc tế tác động đến bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên

Thế giới tiếp tục biến động theo xu hướng đa cực, cạnh tranh chiến lược mở rộng sang công nghệ, dữ liệu, KGM và hệ giá trị. Các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo có thể bị lợi dụng để can thiệp, gây sức ép tại địa bàn nhạy cảm.

Bất ổn kinh tế, đứt gãy chuỗi cung ứng tác động trực tiếp đến sinh kế, giá nông sản và việc làm ở Tây Nguyên, làm gia tăng nguy cơ khiếu kiện và bất ổn xã hội.

ANPTT (khí hậu, nước, dịch bệnh, di cư, tội phạm công nghệ cao) ngày càng gay gắt, có xu hướng tích tụ thành rủi ro ANCT, nhất là trong quan hệ với đất đai, rừng, dân tộc, tôn giáo.

KGM trở thành môi trường tác động trực tiếp đến ANCT với nguy cơ lan truyền tin giả, xuyên tạc, kích động chia rẽ, làm suy giảm niềm tin xã hội.

Hội nhập quốc tế vừa tạo cơ hội, vừa đặt ra yêu cầu kiểm soát rủi ro xuyên biên giới, đòi hỏi nâng cao năng lực dự báo và phòng ngừa từ sớm, từ xa.

4.1.2. Dự báo tình hình trong nước tác động đến bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên

Định hướng phát triển mới về KHCN, thể chế, kinh tế thị trường, văn hóa và chuyển đổi số vừa tạo động lực, vừa phát sinh yêu cầu mới đối với bảo đảm ANCT.

Chuyển đổi số làm thay đổi quản trị xã hội nhưng kéo theo rủi ro an ninh mạng, tin giả và khoảng cách số, nhất là ở vùng DTTS.

Hoàn thiện pháp luật nếu đồng bộ sẽ củng cố niềm tin xã hội, ngược lại chông chéo, thực thi yếu có thể phát sinh điểm nóng trong đất đai, tôn giáo, khiếu kiện.

Phát triển kinh tế tạo cơ hội giảm nghèo nhưng nếu thiếu công bằng có thể làm gia tăng chênh lệch xã hội. Phát triển văn hóa góp phần củng cố thể trận lòng dân.

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy có thể nâng hiệu lực quản lý nhưng cũng tiềm ẩn xáo trộn hành chính nếu không bảo đảm liên tục.

Các yếu tố trong nước đan xen cơ hội và thách thức, đòi hỏi gắn phát triển với ổn định và củng cố niềm tin xã hội.

4.1.3. Dự báo xu thế chuyển đổi phương thức bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên

Thứ nhất, chuyển từ “giữ ổn định” sang quản trị rủi ro CT-XH, tập trung nhận diện sớm mâu thuẫn từ đất đai, sinh kế, tôn giáo, di cư và KGM.

Thứ hai, chuyển từ xử lý vụ việc sang phòng ngừa, đối thoại và hòa giải từ sớm, từ xa, gắn với trách nhiệm giải trình và truyền thông chính sách.

Thứ ba, tăng cường quản trị ANCT trên KGM, nâng cao năng lực xử lý tin giả, định hướng dư luận và củng cố niềm tin xã hội.

Thứ tư, chuyển từ đơn ngành sang liên ngành, liên vùng và xuyên biên giới trong xử lý các vấn đề an ninh liên thông.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu và chuyển đổi số trong dự báo, cảnh báo sớm, đi đôi với bảo mật và bảo đảm quyền lợi người dân.

Thứ sáu, phát huy vai trò Nhân dân và thiết chế cộng đồng như già làng, người có uy tín trong hòa giải và nắm tình hình cơ sở.

Thứ bảy, gắn chặt bảo đảm ANCT với phát triển KT-XH và nâng cao đời sống Nhân dân, coi phát triển bền vững là nền tảng của ổn định chính trị.

4.2. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.2.1. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy, tổ chức đảng gắn liền với sự quản lý, điều hành thống nhất, hiệu quả của chính quyền các cấp

4.2.2. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải được thực hiện toàn diện, đồng bộ, gắn với phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo

4.2.3. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải chủ động, từ sớm, từ xa, lấy phòng ngừa, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống

4.2.4. Bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và vai trò của Nhân dân

4.2.5. Bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên phải được tiếp cận tích hợp giữa an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống và quản trị không gian số

4.3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.3.1. Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong bảo đảm an ninh chính trị

4.3.1.1. *Nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới*

Thứ nhất, đổi mới tư duy lãnh đạo theo hướng quản trị rủi ro, chủ động phòng ngừa từ cơ sở.

Thứ hai, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết theo hướng “bám địa bàn, trúng vấn đề, rõ trách nhiệm, đo được kết quả”.

Thứ ba, gắn lãnh đạo bảo đảm ANCT với lãnh đạo phát triển KT - XH, củng cố QP - AN và thực hiện các định hướng lớn của Đảng trong kỷ nguyên mới.

Thứ tư, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhất là ở cơ sở.

Thứ năm, tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình trong lãnh đạo bảo đảm ANCT.

4.3.1.2. *Nâng cao hiệu lực, hiệu quả nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên*

Thứ nhất, đổi mới quản lý các lĩnh vực nhạy cảm theo hướng công khai, minh bạch, đối thoại và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

Thứ hai, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản trị và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ các cấp ở cơ sở.

Thứ ba, hiện đại hóa quản trị nhà nước gắn với chuyển đổi số, an ninh dữ liệu và quản lý KGM theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024).

Thứ tư, tăng cường phối hợp liên ngành trong xử lý các vụ việc phức tạp, nhạy cảm.

Thứ năm, xây dựng cơ chế cảnh báo sớm rủi ro ANCT từ cơ sở.

4.3.1.3. Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật theo hướng quản trị, phòng ngừa từ sớm, từ cơ sở

Thứ nhất, chuyển trọng tâm từ kiểm tra theo vụ việc sang kiểm tra theo điểm rủi ro.

Thứ hai, gắn trách nhiệm người đứng đầu với mức độ ổn định địa bàn và hiệu quả xử lý các vấn đề phát sinh.

Thứ ba, bảo đảm đồng bộ giữa kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính và xử lý theo pháp luật.

Thứ tư, theo dõi thực chất việc khắc phục sau kiểm tra, lấy niềm tin xã hội và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong kiểm tra, giám sát.

4.3.2. Gắn bảo đảm an ninh chính trị với phát triển bền vững kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng quản trị cơ sở và xử lý các vấn đề xã hội nhạy cảm từ sớm, từ xa

4.3.2.1. Kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm an ninh chính trị với phát triển kinh tế - xã hội bền vững

Thứ nhất, đưa yêu cầu bảo đảm ANCT vào quy hoạch, kế hoạch và các chương trình, dự án phát triển KT-XH.

Thứ hai, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về đất đai, rừng, tài nguyên và sinh kế của Nhân dân.

Thứ ba, gắn phát triển KT-XH với thực hiện dân chủ cơ sở, công khai chính sách và củng cố niềm tin của Nhân dân.

Thứ tư, phát huy vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong tạo việc làm, mở rộng sinh kế và thu hẹp chênh lệch phát triển.

Thứ năm, lấy an ninh con người và thế trận lòng dân làm nền tảng lâu dài của ổn định chính trị.

4.3.2.2. Nâng cao chất lượng quản trị xã hội và giải quyết các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở

Thứ nhất, xây dựng cơ chế quản trị xã hội chủ động, phát hiện và xử lý sớm vấn đề từ cơ sở.

Thứ hai, chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, phân loại và giải quyết kiến nghị, khiếu nại của Nhân dân.

Thứ ba, phát huy thiết chế cộng đồng trong hòa giải, vận động và củng cố đồng thuận xã hội.

Thứ tư, nâng cao năng lực cán bộ cấp xã, nhất là năng lực đối thoại, xử lý tình huống và quản trị rủi ro xã hội.

Thứ năm, Đổi mới quản trị, quản lý địa bàn cơ sở gắn với trách nhiệm giải trình và phát triển bền vững.

4.3.2.3. Kiểm soát rủi ro trong các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, tài nguyên, di cư và khiếu kiện

Thứ nhất, đặt công tác dân tộc, tôn giáo trong tổng thể phát triển KT-XH, văn hóa và QP-AN.

Thứ hai, xử lý minh bạch, có lộ trình các vấn đề đất đai, rừng, tài nguyên và khiếu kiện kéo dài.

Thứ ba, thực hiện chính sách dân tộc theo hướng bao trùm, tự lực và bền vững.

Thứ tư, kiểm soát di cư tự do, lao động nhập cư và các vấn đề xã hội phát sinh bằng giải pháp nhân văn, mềm dẻo nhưng nghiêm minh.

Thứ năm, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp, liên địa bàn trong xử lý các lĩnh vực nhạy cảm.

4.3.3. Đổi mới phương thức bảo đảm an ninh chính trị theo hướng chủ động, hiện đại, dựa trên dữ liệu và thích ứng với không gian mạng

4.3.3.1. Nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình, phân tích, dự báo và tham mưu chiến lược về an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên

Thứ nhất, đổi mới cách tiếp cận nắm tình hình theo hướng đa nguồn, đa tầng, liên thông và theo chuỗi diễn biến.

Thứ hai, xây dựng năng lực phân tích, dự báo chiến lược dựa trên dữ liệu liên thông.

Thứ ba, chuẩn hóa quy trình tham mưu chiến lược theo hướng cụ thể, khả thi, có phương án và có trách nhiệm giải trình.

Thứ tư, làm rõ chủ thể và trách nhiệm trong công tác phân tích, dự báo, tham mưu.

Thứ năm, bảo đảm nguồn lực và lộ trình thực hiện phù hợp với yêu cầu quản trị địa bàn mới.

4.3.3.2. Tăng cường cơ chế phát hiện sớm, xử lý kịp thời các nguy cơ, yếu tố phức tạp có thể tác động đến an ninh chính trị

Thứ nhất, xây dựng hệ thống cảnh báo sớm ANCT dựa trên các chỉ báo rủi ro cụ thể.

Thứ hai, xác định rõ ngưỡng rủi ro và các giải pháp xử lý ngay từ khi mới phát sinh ở cơ sở.

Thứ ba, thống nhất đầu mối chỉ đạo, phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp khi phát sinh vụ việc phức tạp.

Thứ tư, ưu tiên đối thoại, hòa giải, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của Nhân dân, đồng thời giữ nghiêm kỷ cương pháp luật.

Thứ năm, tổng kết bắt buộc sau mỗi vụ việc để hoàn thiện quy trình quản trị rủi ro.

4.3.3.3. Bảo đảm an ninh chính trị trên không gian mạng gắn với nâng cao dân trí cho đồng bào Tây Nguyên

Thứ nhất, chuyển từ xử lý tin xấu độc đơn lẻ sang quản trị tổng hợp KGM trong bảo đảm ANCT.

Thứ hai, chủ động cung cấp thông tin chính thống, kịp thời, minh bạch khi xuất hiện vấn đề nhạy cảm.

Thứ ba, nâng cao dân trí số cho Nhân dân, nhất là đồng bào DTTS và các nhóm dễ bị tác động bởi thông tin xấu độc.

Thứ tư, phát huy vai trò của già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, cán bộ cơ sở và các hạt nhân cộng đồng trong định hướng dư luận số.

Thứ năm, xây dựng cộng đồng an toàn trên KGM gắn với bảo đảm an ninh mạng của HTCT.

4.3.4. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang và Nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị

4.3.4.1. Tăng cường phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị và lực lượng vũ trang trong bảo đảm an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên

Thứ nhất, xác lập rõ vai trò, trách nhiệm của từng chủ thể trên nền tảng lãnh đạo thống nhất của cấp ủy.

Thứ hai, chuyển từ phối hợp theo vụ việc sang phối hợp thường xuyên, theo địa bàn và theo nhóm vấn đề.

Thứ ba, chuẩn hóa quy chế phối hợp theo hướng trách nhiệm hóa, minh bạch hóa và có tiêu chí đánh giá cụ thể.

Thứ tư, tăng cường liên kết vùng, liên địa bàn trong nhận diện và xử lý nguy cơ ANCT.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và tổng kết thực tiễn để hoàn thiện cơ chế vận hành phối hợp.

4.3.4.2. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và người có uy tín ở cơ sở trong tuyên truyền, vận động, hòa giải, định hướng dư luận, củng cố thể trận lòng dân

Thứ nhất, đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, vận động theo hướng sát dân, thiết thực, gắn lợi ích cụ thể.

Thứ hai, phát huy vai trò già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong hòa giải và định hướng dư luận.

Thứ ba, gắn vận động quần chúng với giải quyết kịp thời kiến nghị, khiếu nại chính đáng của Nhân dân.

Thứ tư, mở rộng vận động quần chúng sang không gian mạng, chủ động định hướng dư luận số.

Thứ năm, củng cố thể trận lòng dân bằng phát triển kinh tế, văn hóa và các phong trào cộng đồng thiết thực.

4.3.4.3. Đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với đặc thù địa bàn và các nhóm vấn đề nhạy cảm

Thứ nhất, lấy hiệu quả giữ vững ANCT ở cơ sở làm thước đo chất lượng phong trào.

Thứ hai, thiết kế mô hình phong trào phù hợp từng địa bàn và từng nhóm vấn đề nhạy cảm.

Thứ ba, nhân rộng mô hình tự quản gắn với giải quyết vấn đề đất đai, dân tộc, tôn giáo, di cư và dư luận xã hội.

Thứ tư, gắn phong trào toàn dân bảo vệ ANCT với phát triển KT-XH, QP-AN, văn hóa và hội nhập.

Thứ năm, phát triển phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên không gian mạng.

4.3.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, cán bộ dân tộc thiểu số và cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị

4.3.5.1. Nâng cao chất lượng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng gắn với phát hiện, thu hút, sử dụng, đãi ngộ và phát triển cán bộ dân tộc thiểu số

Thứ nhất, đổi mới công tác quy hoạch cán bộ theo hướng gắn với yêu cầu bảo đảm ANCT và năng lực thực tiễn địa bàn.

Thứ hai, đổi mới đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm và đặc thù địa bàn Tây Nguyên.

Thứ ba, coi am hiểu văn hóa, phong tục, ngôn ngữ DTTS là tiêu chí quan trọng trong đánh giá và sử dụng cán bộ.

Thứ tư, chủ động phát hiện, tạo nguồn và phát triển cán bộ DTTS theo hướng dài hạn, thực chất.

Thứ năm, bố trí, sử dụng cán bộ đúng người, đúng việc, đúng địa bàn, gắn với hiệu quả thực tiễn.

4.3.5.2. Tăng cường rèn luyện thực tiễn, luân chuyển cán bộ, siết chặt kỷ luật, đạo đức công vụ và nâng cao năng lực đối thoại, hòa giải, năng lực số

Thứ nhất, đẩy mạnh luân chuyển cán bộ gắn với địa bàn trọng điểm và yêu cầu rèn luyện thực tiễn.

Thứ hai, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ nhằm củng cố niềm tin xã hội.

Thứ ba, nâng cao năng lực đối thoại, hòa giải và xử lý tình huống nhạy cảm ở cơ sở.

Thứ tư, nâng cao năng lực số và khả năng xử lý thông tin trên không gian mạng của cán bộ cơ sở.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế đánh giá cán bộ bằng kết quả thực chất ở cơ sở.

4.3.5.3. Hoàn thiện chính sách, nguồn lực và điều kiện bảo đảm đối với cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị

Thứ nhất, xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ, chiến sĩ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Thứ hai, hoàn thiện chế độ đãi ngộ, thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao ở địa bàn khó khăn.

Thứ ba, tăng cường đầu tư hạ tầng, trang thiết bị, cơ sở dữ liệu và điều kiện làm việc.

Thứ tư, chăm lo đời sống, chính sách hậu phương, tạo sức bền bám địa bàn cho cán bộ, chiến sĩ.

Thứ năm, đổi mới cơ chế đánh giá, khen thưởng theo hiệu quả thiết thực nhất.

Tiểu kết Chương 4

Chương 4 đã xác lập hệ thống quan điểm và giải pháp bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới, trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu lý luận, thực tiễn và những vấn đề đặt ra ở các chương trước. Trước hết, chương đã dự báo các nhân tố tác động đến ANCT Tây Nguyên từ ba bình diện: quốc tế, trong nước và xu thế chuyển đổi phương thức bảo đảm ANCT. Các dự báo cho thấy Tây Nguyên chịu tác động đồng thời của cạnh tranh chiến lược, an ninh phi truyền thống (ANPTT), không gian mạng (KGM), chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, phát triển KT-XH và sắp xếp lại không gian hành chính. Đặc biệt, sau thay đổi địa giới hành chính từ sau tháng 7/2025, không gian Tây Nguyên được mở rộng, gắn kết cao nguyên với biển, đô thị, cảng biển, logistics, khu kinh tế và liên kết vùng, làm gia tăng tính phức hợp và yêu cầu quản trị mới trong bảo đảm ANCT.

Trên cơ sở đó, chương đã luận giải năm quan điểm cơ bản, trong đó nhấn mạnh sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng; quản lý thống nhất, hiệu lực của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; vai trò nòng cốt của CAND và sự phối hợp của QĐND, LLVT, MTTQ và các tổ chức CT-XH. Đồng thời, bảo đảm ANCT phải toàn diện, đồng bộ, gắn với phát triển KT-XH, xử lý hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, di cư; chủ động từ sớm, từ xa; kết hợp an ninh truyền thống với ANPTT và quản trị KGM; phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và Nhân dân.

Từ các quan điểm này, chương đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, có trọng tâm và lộ trình đến năm 2030, tầm nhìn 2045, tập trung vào hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lý; gắn ANCT với phát triển bền vững; nâng cao năng lực quản trị cơ sở; đổi mới phương thức bảo đảm ANCT theo hướng hiện đại, dựa trên dữ liệu; phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và Nhân dân; đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, cán bộ DTTS và lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ. Các giải pháp này quán triệt các nghị quyết mới của Đảng, đồng thời hướng vào xử lý các điểm nghẽn thực tiễn của Tây Nguyên như quản trị cơ sở, sinh kế, đất đai, rừng, dân tộc, tôn giáo, di cư, KGM và chất lượng cán bộ. Như vậy, Chương 4 đã góp phần xác định định hướng bảo đảm ANCT Tây Nguyên theo hướng chủ động, bền vững, hiện đại, dựa trên phát triển, pháp quyền, dữ liệu, văn hóa và thể trận lòng dân.

KẾT LUẬN

Bảo đảm an ninh chính trị (ANCT) là yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với ổn định và phát triển bền vững đất nước. Đối với Việt Nam, ANCT gắn trực tiếp với vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, sự ổn định của chế độ chính trị, niềm tin Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh, hội nhập sâu rộng, chuyển đổi số mạnh mẽ, các thách thức an ninh phi truyền thống (ANPTT) và không gian mạng (KGM) ngày càng tác động trực tiếp, bảo đảm ANCT trở thành nhiệm vụ chính trị tổng hợp của toàn hệ thống chính trị.

Tây Nguyên giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, sinh thái và phát triển KT-XH, đồng thời là không gian xã hội đặc thù với sự đan xen của các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, rừng, di cư, sinh kế và KGM. Sau điều chỉnh địa giới hành chính, không gian Tây Nguyên mở rộng, gắn kết với duyên hải Nam Trung Bộ, xuất hiện thêm yếu tố biển, đô thị, cảng biển, logistics và các hành lang phát triển mới. Điều này tạo động lực phát triển nhưng cũng làm gia tăng tính phức hợp và yêu cầu cao hơn đối với bảo đảm ANCT, khi nguy cơ có thể lan nhanh từ cơ sở đến liên vùng, liên lĩnh vực và trên KGM.

Từ góc độ Chính trị học, luận án khẳng định bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên là quá trình vận hành ổn định cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, CAND làm nòng cốt. ANCT là kết quả của quá trình lãnh đạo, quản lý, phòng ngừa và xây dựng đồng thuận xã hội, chỉ bền vững khi các chủ thể trong HTCT phối hợp hiệu quả và Nhân dân tích cực tham gia.

Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, luận án kế thừa các kết quả về ANQG, ANCT và phát triển Tây Nguyên, đồng thời xác định khoảng trống nghiên cứu là chưa tiếp cận ANCT Tây Nguyên như một chỉnh thể chính trị học thống nhất. Vì vậy, luận án tiếp cận theo hướng quản trị phát triển, quản trị rủi ro và xây dựng thể trận lòng dân.

Về lý luận, luận án làm rõ khái niệm, chủ thể, nội dung, phương thức và tiêu chí đánh giá bảo đảm ANCT trên địa bàn Tây Nguyên, coi đây là hoạt động tổng hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các yếu tố đe dọa, đồng thời giữ vững nền tảng chính trị và hiệu lực vận hành của HTCT.

Về thực tiễn, luận án ghi nhận nhiều kết quả quan trọng: vai trò lãnh đạo của cấp ủy được tăng cường, hiệu lực quản lý của chính quyền được nâng lên, lực lượng CAND, QĐND và LLVT phát huy vai trò nòng cốt; MTTQ, các đoàn thể, già làng, người có uy tín và Nhân dân tham gia tích cực. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế về năng lực quản trị cơ sở, phối hợp liên ngành, xử lý vấn đề đất đai, rừng, di cư, tôn giáo, cũng như tác động của KGM và chênh lệch phát triển.

Luận án rút ra nhận định quan trọng: nguy cơ đối với ANCT không chỉ đến từ tác động bên ngoài mà còn từ bất cập trong quản trị phát triển và giải quyết vấn đề xã hội. Nếu không xử lý kịp thời, các bức xúc dân sinh có thể bị kích động, chuyển hóa thành nguy cơ ANCT; ngược lại, nếu quản trị hiệu quả và đồng thuận xã hội cao thì ANCT được bảo đảm vững chắc từ cơ sở.

Từ đó, luận án xác định yêu cầu chuyển từ tư duy xử lý vụ việc sang tư duy phòng ngừa, quản trị rủi ro, phát hiện sớm và giải quyết từ gốc các mâu thuẫn xã hội, đồng thời tăng cường liên vùng, liên ngành và liên thông dữ liệu trong bối cảnh không gian Tây Nguyên mở rộng.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất năm nhóm giải pháp: (1) hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lý; (2) gắn ANCT với phát triển bền vững KT-XH; (3) đổi mới phương thức bảo đảm ANCT theo hướng hiện đại, dựa trên dữ liệu và KGM; (4) phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT và Nhân dân; (5) nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở và cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ.

Các giải pháp hướng tới phòng ngừa từ sớm, từ xa, nâng cao hiệu quả vận hành HTCT, củng cố đồng thuận xã hội và thể trận lòng dân, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển và ổn định. Như vậy, luận án đã hoàn thành mục tiêu nghiên cứu, góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo đảm ANCT trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên, có ý nghĩa tham khảo trong hoạch định chính sách đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. **Trình Quốc Hưng** (2025), “*Xây dựng thể trận An ninh Nhân dân giữ vững an ninh chính trị Tây Nguyên hiện nay*”, Tạp chí Thanh niên, <https://thanhnienviet.vn/>, ISSN 2734-902, đăng ngày 15/08/2025.
2. **Trình Quốc Hưng** (2025), “*Tác động của toàn cầu hóa đến an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên hiện nay*”, Tạp chí Thanh niên, 15/08/2025, Tạp chí Thanh niên, <https://thanhnienviet.vn/>, ISSN 2734-902, đăng ngày 15/08/2025.
3. **Trình Quốc Hưng** (2025), “*Xây dựng chính quyền hai cấp vững mạnh góp phần giữ vững an ninh chính trị địa bàn Tây Nguyên*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/>, ISSN 2815 - 5831, đăng ngày 28/8/2025.
4. **Trình Quốc Hưng** (2025), “*Bảo đảm An ninh nguồn nước góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia “*Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả bền vững tài nguyên trong nền kinh tế hội nhập*”, Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Mở - Địa chất phối hợp tổ chức, 11/2024, tr. 138.
5. **Trình Quốc Hưng** (2025), “*Những yếu tố tác động đến an ninh chính trị ở Việt Nam hiện nay*”, Tạp chí Lý luận chính trị, tr 73 -81, số 572 (10/2025), ISSN 252-2585.
6. **Trình Quốc Hưng**, “*Xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân trên địa bàn Tây Nguyên*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/03/10/xay-dung-the-tran-an-ninh-nhan-dan-gan-voi-the-tran-quoc-phong-toan-dan-tren-dia-ban-tay-nguyen/>